

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 170/2023/DS-PT

Ngày: 10/4/2023

V/v: Tranh chấp quyền Sử dụng đất và số
tiền bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu
hồi đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Bên toà: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán:

Ông Võ Hồng Sơn;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

Thư ký Toà án: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao
tại Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Trần Thị Ngọc,
Kiểm sát viên tham gia Phiên toà.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở
Phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 355/2022/TLPT-DS
ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền Sử dụng đất và số tiền bồi
thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của
Toà án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3214/2023/QĐPT-DS ngày 24 tháng
3 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Ngô Quý A, sinh năm 1946; địa chỉ: Xóm Dinh A, xã N,
huyện P, tỉnh H. Có mặt tại Phiên toà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm, Văn
phòng luật sư A thuộc Đoàn luật sư tỉnh H. Có mặt tại Phiên toà.

*** Bị đơn:** Ông Ngô Quý B, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm Qc, xã N, huyện P,
tỉnh H. Có mặt tại Phiên toà.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vũ Đức Duân, sinh năm 1982;
địa chỉ: Xóm Xuân Đám, xã X, thành phố H, tỉnh H. Có mặt tại Phiên toà.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Dương Thị B3, sinh năm 1951; địa chỉ: Xóm Dinh A, xã N, huyện P, tỉnh H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị HH, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm Qc, xã N, huyện P, tỉnh H. Vắng mặt, ủy quyền cho ông Ngô Quý B (văn B2 ủy quyền ngày 10/4/2023).

- Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh H. Vắng mặt đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đơn khởi kiện và trình bày trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm của nguyên đơn là ông Ngô Quý A:

Ông và ông Ngô Quý B là anh em cùng cha khác mẹ. Ông là con đẻ của cụ Ngô Quý AA, sinh năm 1915 và cụ Dương Thị T, sinh năm 1913 (cụ AA và cụ T kết hôn năm 1931). Còn ông Ngô Quý B là con đẻ của cụ AA và cụ Nguyễn Thị T2 (cụ AA và cụ T2 kết hôn năm 1947. Cụ AA lấy cụ T2 nhưng không ly hôn với cụ T, mà vẫn qua lại với cả hai bà, quán xuyến hai bên gia đình. Nhưng chủ yếu thì cụ AA ở với cụ T2 ở xóm Qc, còn cụ T ở với các con (là ông A cùng bà Ngô Thị B2 chị gái ông A).

Về nguồn gốc thửa đất số 656, tờ Bản đồ số 20, diện tích 1167 m² (vị trí đất trước đây gọi là xứ đồng TG) là do mẹ ông – cụ Dương Thị T mua của ông Ngô Văn Lầu từ tháng 3 năm 1947 với giá 15 nôi thóc, thời điểm mua thửa đất này bố ông là cụ Ngô Quý AA chưa lấy cụ Nguyễn Thị T2 - mẹ của ông B. Sau khi mua đất thì cụ T chưa sử dụng ngay mà vẫn ở ngôi nhà cũ ở trong làng (xóm Dinh A). Đến năm 1950, khi giặc đánh bom trong làng thì cụ T cùng các con chuyển từ trong làng ra thửa 656 để ở. Đến năm 1954 mẹ con ông mới chuyển về ngôi nhà trong làng để ở. Lúc này, thửa đất 656 mẹ con ông dùng để làm bãi, xung quanh trồng tre, bên trong trồng khoai, sắn, đỗ tương. Khoảng năm 1958 chị gái ông là bà Ngô Thị B2 đi lấy chồng. Ông tiếp tục ở với cụ T tại ngôi nhà trong làng và sử dụng thửa đất 656, tờ Bản đồ số 20 ở xứ đồng TG để trồng hoa màu. Tháng giêng năm 1966, ông A đi bộ đội. Năm 1973, ông về phép và lấy vợ là bà Dương Thị B3, sau đó lại tiếp tục đi bộ đội. Vợ ông cùng cụ T tiếp tục canh tác trên thửa đất số 656 đến năm 1976 ông A được xuất ngũ trở về thì được cụ T cho vợ chồng ông thửa đất 656 này để canh tác. Việc tặng cho chỉ nói miệng không có giấy tờ gì.

Từ khi được cụ T cho thửa đất này năm 1976, vợ chồng ông hàng năm đều trồng sắn, khoai lang, đỗ tương. Đến năm 1993 thì vợ chồng anh Ngô Quý Tương (đã chết) là con trai ông H xin ở nhờ. Vợ chồng ông đã cho mượn một phần diện tích đất để vợ chồng anh Tương dựng căn nhà một gian hai trái để ở và chăn vịt. Cuối năm 1994, vợ chồng anh Tương trả lại ông đất.

Năm 1981, ông B lấy vợ được cụ AA dùng thửa đất soi 1 sào 12 thước đôi cho ông Dương Văn H lấy 2 đám mạ (nay là thửa 659) để cho ông B làm nhà ở và chia ruộng cho ông B.

Ngày 08/01/1998, bố mẹ ông gọi 3 người con trai là ông, ông H, ông B vào để họp chia đất và lập “Đơn xin chia tài sản gia đình”. Thành phần họp gồm có cụ AA, cụ T, cụ T2, ông, ông H, ông B và mời thêm hai người làm chứng là cụ Ngô Quý Nữ (em ruột của cụ AA, đã chết) và ông Nguyễn HQ (con của em gái ruột cụ AA, đã chết). Ông Quang là người viết “Đơn xin chia tài sản gia đình”. Nội dung của cuộc họp chỉ để chia phần đất ruộng ở xứ đồng Điểm Đông 3 sào 10 thước và xứ đồng Phù Sa 6 sào, không chia thửa đất 656 do phần đất này trước đây cụ T đã chia cho ông.

Tuy nhiên, đến cuối năm 1998, cụ AA, cụ T chết, ông H và ông B không thực hiện theo “Đơn xin chia tài sản gia đình” mà tranh giành hết đất của ông dẫn đến anh em trong gia đình bất đồng. Ông B cho trâu bò phá hết hoa màu của vợ chồng ông trên thửa đất 656 cho nên đến năm 2001 thì vợ chồng ông không canh tác nữa, thửa đất bỏ hoang chỉ để thả trâu bò. Khi UBND xã có chủ trương cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho các hộ dân thì ông đi kê khai, đến ngày 17/7/2001 thì được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất 656.

Năm 2017, khi có dự án đường Vành đai V đi qua thu hồi một phần diện tích 659 m² tại thửa đất 656, tờ Bản đồ số 20 và được bồi thường, hỗ trợ số tiền 154.206.000đ thì ông B mới ra tranh chấp với ông.

Nay, ông khởi kiện đề nghị Tòa án xác định toàn bộ thửa đất số 656, tờ Bản đồ số 20 là quyền Sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông, cho gia đình ông được hưởng số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 659 m² đất nhà nước đã thu hồi, buộc ông Ngô Quý B trả lại ông phần diện tích đất còn lại.

Bị đơn là ông Ngô Quý B trình bày:

Về nguồn gốc đất, ông chỉ biết đất này là của bố mẹ ông là cụ AA, cụ T, cụ T2, còn từ đâu mà có thì ông không biết. Thửa đất này trước đây là đất bãi. Trước năm 1981, cụ AA và cụ T2 cùng các con là ông và ông H canh tác trồng khoai lang, sắn. Đến ngày 18/01/1981 (âm lịch) ông lấy vợ là bà Nguyễn Thị HH. Thời gian đầu vợ chồng ông ở cùng với cụ AA, cụ T2 và vợ chồng ông H tại ngôi nhà thuộc xóm Qc (Nhà đất này hiện đã cho ông Ngô Quý H). Đến cuối tháng 10/1981 thì cụ AA, cụ T, cụ T2 cho ông thửa đất số 656, tờ Bản đồ số 20 để dựng nhà ở riêng. Việc tặng cho chỉ nói miệng, không có giấy tờ. Khi ra ở thửa đất này vợ chồng ông có làm nhà trình tường, lợp mái rạ 3 gian, 2 trái. Trước cửa nhà, vợ chồng ông trồng mía, xung quanh trồng tre, trồng cây ăn quả (bồ kết, sấu...). Do đất ở vị trí thấp, hướng nhà lại nhìn thẳng vào Nghè thờ cúng của dân làng nên vợ chồng ông chỉ ở trên đất được khoảng 5,6 năm thì ông Sử dụng thửa đất ruộng 1 sào 12 thước ở bãi Soi để đổi lấy 2 sào đất của ông Phúc Huy (là thửa đất số 659 liền kề với thửa đất 656). Sau đó, ông làm nhà tạm trên thửa đất đổi (659), nhà xây gạch non. Căn nhà trên thửa đất 656 thì ông cho anh Ngô Quý Tương (con ông H) ở nhờ. Anh Tương ở được khoảng 4 năm

thì trả lại ông. Sau đó, vợ chồng ông Sử dụng thửa đất 656 để tiếp tục trồng sắn, khoai lang, căn nhà cũ anh Trương trả lại thì ông để nhốt vịt. Năm sau không chăn vịt nữa, căn nhà cũng đã dột nát nên ông dỡ đi. Hàng năm, ông đều thu hoạch quả bồ kết, sấu để bán. Cây tre ông cũng đã thu hoạch được 3 vụ. Năm 2006, khi ông A thuê máy xúc để mức đất làm gạch ở xứ đồng Đông, ông cũng thuê máy xúc để mức đất để đào ao trên thửa đất 656 và thả cá. Năm 2010, đơn vị Viettel thuê đất để đặt cột thu phát sóng thì ông A ngăn cản và nói đất này ông đã được cấp GCNQSDĐ. Do vậy, ông đã làm đơn ra UBND xã N yêu cầu giải quyết nhưng UBND xã chỉ tiến hành hòa giải. Năm 2011, ông tiếp tục làm đơn đến UBND huyện P nhưng không được giải quyết.

Năm 2017, nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường vành đai V, tuy nhiên do phần đất này đang tranh chấp nên số tiền bồi thường UBND huyện chưa trả cho ai.

Nay, ông A có đơn khởi kiện ông không nhất trí, ông đề nghị Tòa án công nhận thửa đất 656, tờ Bản đồ số 20 thuộc quyền Sử dụng hợp pháp của gia đình ông vì ông đã được bố mẹ cho khi ông vừa lấy vợ, vợ chồng ông đã ở trên diện tích đất này từ cuối năm 1981. Gia đình ông đã nộp thuế Sử dụng đất trên tổng số ruộng đất của gia đình trong đó có cả thửa đất số 656 ở xứ đồng TG. Ngày 08/01/1998, tại nhà ông A, cụ AA đã gọi ông và ông H tới để họp chia đất, có mời thêm hai người làm chứng là cụ Ngô Quý Nữ (em ruột của cụ AA, đã chết) và ông Nguyễn HQ (con của em gái ruột cụ AA, đã chết). Ông Quang là người viết “Đơn xin chia tài sản gia đình”. Nội dung của cuộc họp chỉ để chia phần đất ruộng ở xứ đồng Điểm Đông và xứ đồng Phù Sa là những phần đất còn lại chưa chia, còn đất ở và đất ruộng khác đã chia cho các con từ trước thì không chia lại. Trong giấy lập cũng có nội dung ghi “Ngô Quý B đã có nhà ở” chính là thửa đất 656 mà bố mẹ đã cho từ năm 1981. Ngoài ra trong giấy còn thể hiện ông có thửa đất Soi 1.12 (một sào 12 thước) chính là thửa đất ông đã Sử dụng để đòi cho ông Phúc Huy từ trước đó.

Về việc ông A đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với diện tích đất này là do năm 2000 ông đi làm ăn xa không có nhà, khi đó ông A là trưởng xóm Dinh A đã tự ý kê khai để được cấp GCNQSDĐ. Ông có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H hủy một phần Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất số T 709919 do UBND huyện P cấp ngày 17/7/2001 mang tên hộ ông Ngô Quý A đối với thửa số 656, tờ Bản đồ số 20.

Bà Dương Thị B3 (vợ ông A) trình bày:

Bà lấy ông A năm 1973, sau khi về làm dâu thì được mẹ chồng (cụ T) kể lại, mảnh đất ở xứ đồng TG là cụ T mua của ông Trung Lầu người xóm Gò (nay là xóm Kén) bằng 15 nồi thóc. Trong những năm máy bay đánh bom trong làng năm 1950 mẹ con ra ngoài đó ở. Đến cuối năm 1954 hòa bình mới về làng để ở. Trước đây khu

đất này rậm rạp, xung quanh là bờ tre, bên trong là cây trám, lim to. Sau này không ở nữa gia đình bà đã hoại cây để làm bãi trồng sắn, khoai lang, đỗ tương. Vợ chồng bà canh tác từ khi bà về làm dâu, nhưng chỉ trồng được màu.

Từ năm vợ chồng ông B ra đây ở, làm ăn khó hơn do trâu bò nhà ông B ăn hết nhưng vẫn còn được thu hoạch. Từ năm 2001-2002 do anh em bất đồng nên trồng gì cũng bị ông B thả bò cho ăn hết, nên gia đình bà đã bỏ hoang.

Bà Nguyễn Thị HH (vợ ông B) trình bày:

Bà lấy ông B ngày 18/01/1981. Đến cuối năm 1981 được bố mẹ chồng cho ra ở riêng trên thửa đất 656 từ đó đến nay. Vợ chồng bà đã đóng thuế đất cho đến khi được nhà nước xóa thuế. Bà xác định từ khi được bố mẹ chồng cho thửa đất này, vợ chồng ông A không làm gì trên đất này nữa. Về quá trình Sử dụng đối với phần diện tích đất này bà thống nhất với lời khai của ông B.

UBND huyện P trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 656, tờ Bản đồ địa chính số 20 xã N:

Theo báo cáo số 113/BC-UBND ngày 14/10/2020 của UBND xã N v/v xác minh nguồn gốc Sử dụng đất và quá trình Sử dụng đất tại thửa đất số 656, tờ Bản đồ địa chính số 20 xã N xác định: thửa đất số 656 có nguồn gốc đất là của vợ chồng ông Ngô Quý AA (bố của ông Ngô Quý B và ông Ngô Quý A), sau đó đến năm 1982 thì cho vợ chồng ông Ngô Quý B ra ở tại thửa đất số 656. Gia đình ông Ngô Quý A không Sử dụng thửa đất số 656 từ trước đến nay.

Khoảng năm 1993, gia đình ông B chuyển đến thửa đất số 659 xây dựng nhà ở. Đồng thời cho cháu ruột là ông Ngô Văn Tương ở nhờ tại thửa đất số 565 mà gia đình ông B Sử dụng trước đó.

Ngày 08/01/1998, gia đình ông Ngô Quý AA họp gia đình để thống nhất chia đất cho 03 người con trai là ông Ngô Quý B, ông Ngô Quý A và ông Ngô Văn H. Trong đó có chia cho ông Ngô Quý B thửa đất đã có nhà ở (là thửa đất do bố mẹ cho ở riêng từ năm 1982 và thửa đất đó là thửa số 656). Khoảng năm 1999, ông B phá dỡ ngôi nhà trên thửa đất 656 để Sử dụng vào mục đích trồng sắn cùng một số cây ăn quả khác và Sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ liên quan đến dự án Đường Vành đai V vùng thủ đô Hà Nội:

Khi thực hiện Dự án Đường Vành đai V vùng thủ đô Hà Nội, do thửa đất đang có sự tranh chấp giữa ông Ngô Quý B và ông Ngô Quý A nên ngày 21/6/2018, UBND xã N cùng với Ban Bồi thường GPMB huyện (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất huyện) đã thống nhất bằng biên B2 để kê khai A đếm phần diện tích đất đang tranh chấp giữa ông B và ông A. Ngày 08/8/2018, UBND huyện ban hành Quyết định số 4585/QĐ-UBND, theo đó đã thu hồi 659,0 m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 656 thuộc tờ Bản đồ địa chính số 20 xã N (Diện tích hiện đang tranh chấp quyền Sử

dụng đất giữa ông Ngô Quý B và ông Ngô Quý A). Đồng thời ban hành Quyết định số 4590/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án. Trong đó phê duyệt phương án bồi thường tại thửa đất tranh chấp của ông Ngô Quý B và ông Ngô Quý A, xóm Qc với tổng số tiền là 154.206.000 đồng. Không có tài sản trên đất.

Số tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB nêu trên hiện chưa chi trả cho hộ gia đình, cá nhân nào và đang được giữ tại tài khoản tiền gửi của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện tại Kho bạc Nhà nước.

Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất mang tên hộ ông Ngô Quý A:

Qua xác minh về nguồn gốc, thời điểm và quá trình Sử dụng thửa đất số 656 diện tích số 1167,0 m² đất vườn tạp thuộc tờ BĐĐC số 20 xã N gia đình ông B Sử dụng ổn định từ năm 1982 đến nay và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đất B3 nghiệp.

Trong khi đó, gia đình ông Ngô Quý A không Sử dụng thửa đất này và không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Tuy nhiên, hộ ông Ngô Quý A đã kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất số 01497 ngày 17/7/2001, trong đó có thửa đất số 656 tờ Bản đồ địa chính số 20 xã N. Đối chiếu với quy định pháp luật xác định Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Ngô Quý A không đúng đối tượng Sử dụng đất, chưa đảm bảo bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993, mục I.4 phần 1, khoản 3 Mục 1.2.3 phần 2 Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16 tháng 3 năm 1998 của Tổng cục Địa chính.

Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điều 26, Điều 34, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai 2013; khoản 3 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 2, khoản 3 Điều 26 của Luật Đất đai năm 1993; Mục I.4 phần 1, khoản 3 Mục 1.2.3 phần 2 Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16 tháng 3 năm 1998 của Tổng cục Địa chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Ngô Quý A về việc: Đề nghị Tòa án xác định toàn bộ thửa đất số 656, tờ Bản đồ số 20 là quyền Sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông, cho gia đình ông được hưởng số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 659 m² đất nhà nước đã thu hồi, buộc ông Ngô Quý B trả lại ông phần diện tích đất còn lại.

2. Công nhận quyền Sử dụng hợp pháp cho ông Ngô Quý B và bà Nguyễn Thị HH đối với phần diện tích 384,6 m² đất còn lại tại thửa 656, tờ Bản đồ số 20 xã N, huyện P, tỉnh H, được đánh dấu bởi các điểm 1,24,25,21,20,19,18,17,16,15,14,13,12,2,9,1 theo sơ đồ trích đo hiện trạng Sử dụng đất do Công ty TNHH Hà Nguyên Châu thực hiện. (Có sơ đồ trích đo hiện trạng Sử dụng đất kèm theo).

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ngô Quý B. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất số T 709919 do UBND huyện P cấp ngày 17/7/2001 mang tên hộ ông Ngô Quý A đối với thửa số 656, tờ Bản đồ số 20 xã N, huyện P, tỉnh H.

4. Ông Ngô Quý B và bà Nguyễn Thị HH được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ là 154.206.000đ (Một trăm năm mươi bốn triệu hai trăm không sáu nghìn đồng) hiện đang được giữ tại tài khoản tiền gửi của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P tại Kho bạc nhà nước.

5. Ông Ngô Quý B và bà Nguyễn Thị HH, ông Ngô Quý A và bà Dương Thị B3 có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Ngô Quý A phải chịu chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), Tòa án xác định ông A đã chi phí xong.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Ngô Quý A.

7.2. Ông Ngô Quý B không phải chịu án phí phản tố, được hoàn trả lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002516 ngày 06/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 20/9/2022, nguyên đơn là ông Ngô Quý A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, ông Ngô Quý A giữ nguyên kháng cáo.

Ông Ngô Quý A trình bày: Báo cáo số 113 UBND của xã N phản ánh không đúng sự thật khách quan và UBND xã cung cấp không đúng hồ sơ ông kê khai xin

cấp GCNQSD đất. Ông A cho rằng thửa đất số 656 có nguồn gốc của cụ T mua và cho ông khi các cụ còn sống, ông đã kê khai được cấp GCNQSD đất và nộp thuế đất đầy đủ; còn ông B không kê khai, không nộp thuế. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông và công nhận cho ông B là chủ Sử dụng thửa 656 là không có căn cứ.

Luật sư Phạm Quốc Chính trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ngô Quý A với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào các chứng cứ tài liệu do UBND xã và UBND huyện cung cấp trong khi các chứng cứ không bảo đảm tính khách quan, không đúng sự thật. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử sơ thẩm lại.

Ông Ngô Quý B và đại diện theo ủy quyền giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Ngô Quý A.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Các tài liệu chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập được đủ cơ sở xác định nguồn gốc thửa đất 656 là tài sản chung của cha mẹ ông A, ông B nhưng các cụ đã cho ông B Sử dụng từ năm 1981, khi các cụ còn sống và ông B là người T2 dụng, nộp thuế. Năm 1998 gia đình cũng đã có đơn tiếp tục xin chia tài sản, trong đó nội dung phân chia không có thửa đất này, do đã cho ông B. Việc ông A kê khai đăng ký thửa 656 và được cấp GCNQSD đất năm 2002 là không đúng đối tượng. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông A và công nhận quyền Sử dụng phần đất còn lại cho ông B, ông B được nhận khoản tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất đã thu hồi - là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác kháng cáo của ông Ngô Quý A và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại Phiên toà; các chứng cứ đã được xem xét tại Phiên toà; nghe ý kiến trình bày của các bên và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Phiên toà; sau khi thảo luận và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn đúng quy định tại Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông Ngô Quý A hợp lệ, đủ điều kiện xét xử phúc phẩm.

[2] Thửa đất tranh chấp, ông Ngô Quý A, Ngô Quý B tuy đều cho rằng là của cha mẹ, nhưng cho rằng được cho riêng từ khi các cụ còn sống (ông A cho rằng là tài sản riêng của cụ T và cụ T cho ông; còn ông B cho rằng được cha mẹ cho). Xét thấy: Cụ AA xác lập hôn nhân với cụ T và cụ T2 đều trước năm 1959, nên 2 cụ đều là vợ hợp pháp của cụ AA. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định cụ T mua thửa đất của cụ Lầu khi đang trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp với cụ AA nên được xác định là

tài sản chung vợ chồng, không phải tài sản riêng của cụ T nên ông A cho rằng được cụ T cho riêng là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh 3 thừa kế khác của cụ AA, cụ T, cụ T2 (là bà B2, bà Chuyên và ông H), nhưng đều không ai tranh chấp gì với ông A, ông B. Bà Chuyên và ông H cho rằng các cụ cho ông B ở tại thửa đất từ năm 1981, còn bà B2 cho rằng diện tích đất này cụ T cho riêng ông A và là đất của ông A.

[3] Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đất tranh chấp là thửa 656 thể hiện: 659m² đất UBND huyện P đã thu hồi để thực hiện Dự án đường vành đai 5. Ông A và ông B đều không thắc mắc về chủ trương thu hồi đất, không thắc mắc về trình tự, thủ tục, kết quả A đếm, diện tích đất, loại đất thu hồi, không thắc mắc về phương án bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất bị thu hồi. Số tiền được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ (154.206.000đồng), ông A và ông B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ai là người Sử dụng hợp pháp thửa đất 656 là người hưởng số tiền này.

Diện tích còn lại sau thu hồi 398m², đo đạc thể hiện có 384,6m² đất thuộc thửa 656, tờ Bản đồ số 20; 12,1m² đất thuộc thửa 654; 1,3m² đất thuộc thửa 657. Tại các biên B2 lấy lời khai ngày 08/7/2022 và ngày 22/7/2022, ông A và ông B đều xác định 12,1m² đất thuộc thửa 654 và 1,3m² đất thuộc thửa 657 là phần đất của vợ chồng ông Quang, bà Lợi là hàng xóm liền kề. Ông A, ông B không tranh chấp phần chồng lấn.

[4] Xét kháng cáo của ông Ngô Quý A:

UBND xã N xác nhận về nguồn gốc, thửa đất số 656, tờ Bản đồ số 20 là của bố mẹ ông Ngô Quý A và Ngô Quý B. Quá trình giải quyết ông A và ông B đều nhận là mình được bố mẹ tặng cho thửa đất 656, tờ Bản đồ số 20 nhưng không ai có giấy tờ chứng minh. Ông B cho rằng thửa đất 656 ông được cha mẹ cho, đã làm nhà ở nên tại “Đơn xin chia tài sản gia đình” ngày 08/01/1998 (tài liệu ông A xuất trình) mới ghi là “*Ngô Quý B đã có nhà ở...*”.

- Về quá trình Sử dụng đất: Báo cáo số 113/BC-UBND ngày 14/10/2020, UBND xã N đã xác định nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ cho ông B. Ông A không Sử dụng đối với thửa đất này. Năm 1981 ông B lấy vợ và khoảng năm 1982 vợ chồng ông B được bố mẹ cho ra ở riêng tại căn nhà vách đất dựng trên thửa đất số 656 ở xứ đồng TG. Đồng thời bố mẹ cho Sử dụng một số thửa đất B3 nghiệp khác trên địa bàn xã N (trong đó có 01 thửa đất thuộc Soi, xã N). Khoảng năm 1993 ông B dùng thửa đất Soi bố mẹ cho trước đó để đổi cho gia đình ông Dương Văn Phúc (tức Phúc Huy) và nhận lại thửa đất số 659, tờ Bản đồ số 20, diện tích 824m² là thửa đất liền kề thửa 656. Sau đó vợ chồng ông B tiến hành xây dựng nhà, công trình phụ và chuyển sang sinh sống trên thửa đất 659. Đến năm 1996 ông B cho vợ chồng cháu ruột là Ngô Văn Tương (là con đẻ ông Ngô Văn H) ở nhờ tại ngôi nhà vách đất dựng trên thửa đất số 656 mà gia đình ông B Sử dụng trước đó. Gần một năm sau, khoảng năm 1999,

ông B phá dỡ ngôi nhà trên thửa đất 656 để Sử dụng vào mục đích trồng sản cùng một số cây ăn quả khác và Sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Như vậy, theo xác minh trên thì gia đình ông Ngô Quý A không Sử dụng đối với thửa đất này. Mặt khác, tại các B2 tự khai, biên B2 lấy lời khai, Bên hòa giải tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông A và vợ đều khai đã bỏ hoang không Sử dụng từ năm 2001 (cho rằng do ông B thả trâu bò phá hoa màu).

- Về việc nộp thuế Sử dụng đất: Sổ nộp thuế Sử dụng đất B3 nghiệp của ông Ngô Quý B do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P cung cấp, thể hiện: Ông B có Sử dụng và nộp thuế đối diện tích đất tại xứ đồng TG. Tại các biên B2 lấy lời khai ngày 08/7/2022 và ngày 22/7/2022, ông A và ông B đều khẳng định bố mẹ ông chỉ có duy nhất thửa 656, tờ Bản đồ số 20 tại xứ đồng TG, B2 thân ông A, ông B cũng khẳng định không có thửa đất nào khác tại xứ đồng TG. Báo cáo số 113/BC-UBND ngày 14/10/2020 của UBND xã N xác định gia đình ông B có thực hiện nghĩa vụ nộp thuế B3 nghiệp đối với thửa đất 656. Ông A không thực hiện việc nộp thuế đối với thửa đất này.

- Ông Ngô Quý A có đưa ra một số người làm chứng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh đều khẳng định không biết phần đất tranh chấp này là của ai.

Với các tài liệu chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Ngô Quý B được cha mẹ cho và ông đã trực tiếp Sử dụng thửa đất 656, tờ Bản đồ số 20 xã N từ năm 1982 đến nay; ông B là người nộp thuế Sử dụng đất đối với phần diện tích đất này. Việc Sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước được UBND xã N xác nhận. Ông A không đưa được ra căn cứ để chứng minh mình là người trực tiếp Sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước- từ đó xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quý A, là có cơ sở.

Việc cấp GCNQSD đất cho ông Ngô Quý A vào năm 2002 là không đúng đối tượng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố về việc hủy Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất đã cấp cho ông Ngô Quý A là đúng.

Ông A kháng cáo cho rằng các cán bộ UBND xã N và cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P cấu kết với nhau cung cấp tài liệu sai sự thật, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ông A và luật sư Phạm Q có xuất trình “Biên B2 làm việc” đề ngày 09/11/2022 giữa luật sư và ông Tạ Quốc Chiến (công chức địa chính xã N), nhưng nội dung xác minh cũng chỉ làm rõ thêm về hồ sơ địa chính lưu giữ. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh UBND xã và đã được cung cấp hồ sơ địa chính lập các thời kỳ. B2 chất vụ án là đánh giá chứng cứ về việc ông A hay ông B được các cụ cho thửa đất này. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của ông A cũng như đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Ngô Quý A phải chịu án phí

dân sự phúc thẩm. Ông A là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nên đủ điều kiện được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 270, Điều 282, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Ngô Quý A. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Ngô Quý A.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/4/2023.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương